| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2023/DS-ST
Ngày: 05-05-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Nhất Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đỗ Thị A;
2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính T.

Trụ sở: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Anh Tuấn - Theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2022 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường E, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2022 của nguyên đơn Công ty Tài chính T và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/10/2018, Công ty Tài chính T (sau đây gọi tắt là Công ty tài chính) với ông B ký hợp đồng tín dụng số 20181022-0004464 vay số tiền 31.228.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông B có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.964.240 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả số tiền 1.633.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.809.240 đồng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/12/2018.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính được tổng số tiền là 32.900.000 đồng. Kể từ ngày 15/8/2020 đến nay ông B không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty Tài chính đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay Công ty Tài chính yêu cầu Toà án buộc ông B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 27.064.240 đồng (trong đó nợ gốc là 19.781.818 đồng và nợ lãi là 7.282.422 đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ là 27.064.240 đồng (trong đó nợ gốc là 19.781.818 đồng và nợ lãi là 7.282.422 đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 20181022-0004464 ngày 22/10/2018 được ký kết giữa Công ty Tài chính T và ông B, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 27.064.240 đồng (trong đó nợ gốc là 19.781.818 đồng và nợ lãi là 7.282.422 đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ trong hợp đồng tín dụng, nên có cơ sở xác định tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn hiện cư trú tại Quận 10 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:**

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20181022-0004464 ngày 22/10/2018 được ký kết giữa Công ty Tài chính T và ông B được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét, theo thỏa thuận hợp đồng bị đơn vay số tiền 31.228.000 đồng và có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.964.240 đồng (gồm cả gốc và lãi) trong thời hạn 36 tháng. Bị đơn đã thanh toán tổng số tiền là 32.900.000 đồng (bao gồm 11.446.182 đồng tiền gốc và 21.453.818 đồng tiền lãi), kể từ ngày 15/8/2020 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*" và quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn lại là 19.781.818 đồng.

Đối với tiền lãi: Các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3,92%/tháng, việc thỏa thuận mức lãi suất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời không trái với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn mới thanh toán số tiền lãi là 21.453.818 đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi còn thiếu là 7.282.422 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền nợ trên đã lâu, nếu tiếp tục kéo dài sẽ ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**[3]. Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 278, 280, 299, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính T.

Buộc ông B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính T số tiền là 27.064.240 (Hai mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm bốn mươi) đồng [Trong đó nợ gốc là 19.781.818 (Mười chín triệu, bảy trăm tám mươi mốt ngàn, tám trăm mười tám) đồng và nợ lãi là 7.282.422 (Bảy triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm hai mươi hai) đồng], ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm là 1.353.212 (Một triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm mười hai) đồng ông B chịu.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 676.606 (Sáu trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm lẻ sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019004 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Nhất Dũng**